

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 57-48

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021.

YÊU CẦU ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN (1)

Tôi: **Thượng tá Phạm Văn Thành**

Chức vụ: **Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra**

Căn cứ⁽²⁾: Yêu cầu điều tra và xử lý vụ án “Buôn lậu” của Công ty TNHH Thép Việt Vinh, MSDN số 1101851873, trụ sở tại Lô Q5A-Q6-Q19A-Q20A, đường số 11, KCN Hải Sơn mở rộng (GD3+4), huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, xảy ra tại Cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 1 Gia, theo Quyết định nhập vụ án hình sự số 3 cần được định giá tài sản.

Căn cứ các điều 36, 39, 40, 69, 215, 216 và 217 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét cần thiết cho việc điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an TP. Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Thành phố tiến hành định giá tài sản sau:

1. Thông tin và đặc điểm của tài sản cần định giá⁽³⁾:

- Thép cán nguội được cán phẳng, dạng cuộn, chưa phủ mạ hoặc tráng, quy cách không đồng bộ, có chiều rộng (810 - 1284)mm x chiều dày (1.20 - 2.25)mm x Cuộn, mới 100%, xuất xứ: JP, với tổng trọng lượng là **270.002Kg**, trong 10 Container số SKLU0705570/455293, số SKLU1002972/455279, số SKLU1114036/455339, số SKLU1307415/455342, số SKLU1344445/455299, số SKLU1432802/455294, số SKLU1653043/455375, số SKLU1669040/455273, số TCLU7243865/455295, số TGHU1541310/455234 thuộc tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 103534590610/A11, ngày 14/9/2020 và tờ khai bổ sung số 730237298560, ngày 15/9/2020.

- Thép mạ tráng hoặc tráng kẽm bằng phương pháp khác có hàm lượng carbon dưới 0,6%, không lượn sóng, dạng cuộn, quy cách không đồng bộ, mới 100%, (5.10 - 5.91)mm x (834 - 1696)mm x Cuộn, theo tiêu chuẩn JIS G3131, xuất xứ: CH, với tổng trọng lượng **103.903Kg**, trong 04 Container số EGHU3303889/3678181; Số EISU2223805/2985421; Số EITU0501937/3678172; Số OCGU2080100/2985408, thuộc tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 103534522340/A11, ngày 14/9/2020 và tờ khai bổ sung số 730237293110, ngày 15/9/2020.

Toàn bộ số hàng hóa nêu trên, hiện do Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực I, thuộc Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh bảo quản.

2. Tên tài liệu có liên quan: Bản photo tờ khai Hải quan số 103534590610/A11; số 103534522340/A11, ngày 14/9/2020 và Bản xác nhận nội dung khai sửa đổi bổ sung số 730237298560; số 730237293110, ngày 15/09/2020; Thông báo số

(1) Điều tra viên, Kiểm sát viên có thể tham dự phiên họp định giá tài sản nhưng phải báo trước cho Hội đồng định giá tài sản biết (khoản 1 Điều 217 BLTTHS);
(2) Vụ/việc đang điều tra cần định giá tài sản;
(3) Ghi rõ thông tin, đặc điểm các loại tài sản cần định giá và nơi bảo quản các tài sản này.

1456/TB-KĐ3, ngày 09/11/2020, về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa và Phụ lục đính kèm.

3. Nội dung yêu cầu định giá tài sản: Tiến hành định giá tài sản vào thời điểm tháng 9/2020 của số tang vật của vụ án là **373.905Kg**, Thép lá được chứa trong 14 Container thuộc các tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 103534590610/A11, số 103534590610/A11, ngày 14/9/2020 và tờ khai bổ sung số 730237298560, số 730237293110, ngày 15/9/2020 như nêu trên.

4. Thời hạn định giá tài sản từ ngày / 03/ 2021 đến ngày / 04/ 2021.

Hội đồng định giá tài sản phải gửi Kết luận định giá tài sản cho cơ quan yêu cầu định giá tài sản.

Yêu cầu định giá tài sản này được gửi đến Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố và Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Kết luận định giá tài sản và thông tin trao đổi đề nghị gửi về Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an TP. Hồ Chí Minh, số 674 đường 3 Tháng 2, Phường 14, Quận 10, TPHCM. Điều tra viên thụ lý: Nguyễn Duy Thanh – Đội 9 – SĐT: 0973.243399.

Người định giá tài sản có quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 69 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPHCM;
- Hội đồng định giá tài sản;
- Hồ sơ 02 bản;
(Thanh, 04b)

PHÓ THỦ TRƯỞNG



Thượng tá Phạm Văn Thành

(1) Điều tra viên, Kiểm sát viên có thể tham dự phiên họp định giá tài sản nhưng phải báo trước cho Hội đồng định giá tài sản biết (khoản 1 Điều 217 BLTTHS);
(2) Vụ/việc đang điều tra cần định giá tài sản;
(3) Ghi rõ thông tin, đặc điểm các loại tài sản cần định giá và nơi bảo quản các tài sản này.

Số: 2404/PC03-Đ9

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

V/v: Đề nghị yêu cầu định giá
tài sản là tang vật trong vụ án.

Kính gửi: Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an TP. Hồ Chí Minh đang điều tra vụ án “Buôn lậu” liên quan đến Công ty TNHH Thép Việt Vinh, có MSDN 1101851873, trụ sở tại Lô Q5A-Q6-Q19A-Q20A đường số 11, KCN Hải Sơn mở rộng (GD3+4), huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xảy ra tại Cửa khẩu cảng Sài Gòn – Khu vực 1, TPHCM theo theo Quyết định nhập vụ án hình sự số 57-08 ngày 31/12/2020.

Quá trình điều tra xác minh ban đầu, được biết:

Ngày 14/9/2020, Công ty TNHH Thép Việt Vinh mở tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 103534590610/A11, để nhập khẩu Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ tráng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (1.20-2.25)mm x (810-1284)mm x Cuộn, theo tiêu chuẩn JIS G3131, xuất xứ: JP, với tổng trọng lượng 270.002Kg. Số tiền thuế nhập khẩu là 0đ, thuế GTGT: 295.129.407đ; Tờ khai số 103534522340/A11, nhập khẩu Thép lá cán nóng, không hợp kim (HR), chưa phủ mạ tráng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100%, (5.10 - 5.91)mm x (834 - 1696)mm x Cuộn, theo tiêu chuẩn JIS G3131, xuất xứ: CH, với tổng trọng lượng là 103.903Kg. Số tiền thuế nhập khẩu là 0đ, thuế GTGT: 103.261.205đ. Hàng hóa đã được hệ thống phân luồng xanh.

Ngày 15/9/2020, Công ty TNHH Thép Việt Vinh đã khai bổ sung tờ khai số 730237298560, sửa đổi, bổ sung cho tờ khai số 103534590610/A11, tên hàng hóa sau khi sửa đổi là Thép cán nguội được cán phẳng, dạng cuộn, chưa phủ mạ hoặc tráng, có chiều rộng (810 - 1284)mm x chiều dày (1.20 - 2.25)mm x Cuộn, xuất xứ: JP. Tờ khai số 730237293110 sửa đổi, bổ sung cho tờ khai số 103534522340/A11, tên hàng hóa sau khi sửa đổi là Thép mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp khác có hàm lượng carbon dưới 0,6% tính theo trọng lượng. Có chiều dày (5.10 - 5.91)mm x Rộng (834 - 1696)mm x Cuộn. Xuất xứ: CH.

Do nghi ngờ lô hàng của Công ty Thép Việt Vinh có dấu hiệu gian lận thương mại, Ngày 13/10/2020, Đội Kiểm Soát Hải quan phối hợp Chi cục Hải quan Khu vực I tiến hành kiểm tra thực tế và thu mẫu giám định.

Ngày 09/11/2020, Chi cục Kiểm định Hải quan 3 đã có thông báo số 1456/TB-KĐ3, kết quả phân tích kèm mã số hàng như sau:

1. Đối với hàng hóa thuộc tờ khai Hải quan số 103534590610/A11:

STT	Tên hàng khai báo/Trọng lượng	Mã HS	Kết quả phân tích KĐ3 (Tên hàng/Trọng lượng)	Mã HS	Ghi chú
1	+ Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ tráng,	7208.39.90	Mẫu 5: Thép không hợp kim (hàm lượng C dưới 0,6% tính theo trọng lượng), được cán	7209.18.99	Khai sai chủng loại, Mã

	không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (1.20 - 2.25)mm x (810 - 1284)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131. Xuất xứ: JP. Trọng lượng: 269.967 Kg		phẳng, cán nguội, dạng cuộn, chiều dày ≈0,47mm, chiều rộng trên 600mm, chưa phủ, mạ, tráng. (Đại diện cho 01 cuộn thép có màu xám trắng, có bề dày dưới 0.5mm, bề rộng trên 600mm) Trọng lượng: 3.180 kg		HS.
			Mẫu 6: Thép không hợp kim (hàm lượng C dưới 0,6% tính theo trọng lượng), được cán phẳng, cán nguội, dạng cuộn, chiều dày ≈0,77mm, chiều rộng trên 1250mm, chưa phủ, mạ, tráng. (Đại diện cho 12 cuộn thép có màu xám trắng, có bề dày từ 0.5-1mm, bề rộng trên 600mm) Trọng lượng: 77.860 kg	7209.17.90	Khai sai chủng loại, Mã HS.
			Mẫu 7: Thép không hợp kim, được cán phẳng, cán nguội, dạng cuộn, chiều dày ≈1,15mm, chiều rộng theo khai báo không quá 1.250mm, chưa phủ, mạ, tráng. (Đại diện cho 18 cuộn thép có màu xám trắng, có bề dày từ 1-3mm, bề rộng trên 600mm) Trọng lượng: 148.257 kg	7209.16.10	Khai sai chủng loại, Mã HS.
			Mẫu 8: Thép không hợp kim, được cán phẳng, cán nguội, dạng cuộn, chiều dày ≈1,25mm, chiều rộng không quá 1.250mm, chưa phủ, mạ, tráng. (Đại diện cho 04 cuộn thép có màu xám đen, có bề dày từ 1-3mm, bề rộng trên 600mm) Trọng lượng: 39.220 kg	7209.16.10	Khai sai chủng loại, Mã HS.

2. Đối với hàng hóa thuộc tờ khai Hải quan số 103534522340/A11:

STT	Tên hàng khai báo/Trọng lượng	Mã HS	Kết quả phân tích KĐ3 (Tên hàng/Trọng lượng)	Mã HS	Ghi chú
1	+ Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ trắng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (5.10-5.91)mm x (834-1696)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS	7208.37.00	Mẫu 1: Thép không hợp kim (hàm lượng Carbon dưới 0,6% tính theo trọng lượng), được cán phẳng, dạng cuộn, dạng dài và dài, chiều dày ≈1mm, chiều rộng trên 102mm, bề mặt được mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng. (Đại diện cho 04 cuộn thép có màu xám trắng, có bề dày từ 1-	7212.30.12	Khai sai chủng loại, Mã HS.

G3131. Xuất xứ: CH. Trọng lượng: 103.903.967 Kg	3mm, bề rộng 600mm) Trọng lượng: 850 kg		
	Mẫu 2: Thép không hợp kim (hàm lượng Ti $\approx$ 0,07% tính theo trọng lượng, là nguyên tố duy nhất quyết định yếu tố theo hợp kim), được cán phẳng, dạng cuộn, thành phần hóa học không phù hợp làm thép gió, chiều dày $\approx$ 0,68mm, chiều rộng trên 600mm, bề mặt được mạ kẽm bằng phương pháp điện phân. Trọng lượng: 5.240 kg	7225.91.90 9811.00.10	Khai sai chủng loại, Mã HS.
	Mẫu 3: Thép không hợp kim, (hàm lượng C dưới 0,6% tính theo trọng lượng) được cán phẳng, dạng cuộn, không ở dạng lượn sóng, chiều dày $\approx$ 2,6mm, chiều rộng trên 600mm, bề mặt được mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng. (Đại diện cho những cuộn thép có màu xám trắng, có bề dày từ 1-3mm, bề rộng trên 600mm) Trọng lượng: 26.445 kg	7210.49.19	Khai sai chủng loại, Mã HS.
	Mẫu 4: Thép hợp kim (hàm lượng Ti $\approx$ 0,06% tính theo trọng lượng, là nguyên tố duy nhất quyết định yếu tố theo hợp kim), được cán phẳng, cán nguội, dạng cuộn, thành phần hóa học không phù hợp làm thép gió, chiều dày $\approx$ 5,9mm, chiều rộng trên 600mm, bề mặt được mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng. (Đại diện cho 08 cuộn thép có màu xám trắng, có bề dày trên 3mm, bề rộng trên 600mm) Trọng lượng: 71.343 kg	7225.92.90 9811.00.10	Khai sai chủng loại, Mã HS.

Ngày 18/11/2020, Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực 1 đã có văn bản số 5446/KV1-ĐHHN, xác định số tiền thuế tăng chênh lệch của lô hàng thuộc tờ khai Hải quan số 103534590610 là 266.940.436đ và tờ khai số 103534522340 là 803.830.589đ.

Để phục vụ công tác điều tra và xử lý vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an TP.Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Thành phố tiến hành định giá số tài sản là **373.905Kg**, Thép lá cán nguội, chưa phủ mạ tráng, không lượn sóng, dạng cuộn, quy cách không đồng bộ, mới 100%, trong

14 Container thuộc các tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 103534590610/A11, số 103534590610/A11, ngày 14/9/2020 và tờ khai bổ sung số 730237298560, số 730237293110, ngày 15/9/2020, là tang vật của vụ án theo giá thị trường, thời điểm xảy ra vào tháng 9/2020.

Quá trình thực hiện, trường hợp cần kiểm tra thực tế của hàng hóa, đề nghị Hội đồng định trong tổ tụng hình sự liên hệ với Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an TP. Hồ Chí Minh, số 674 đường 3 Tháng 2, Phường 14, Quận 10, TPHCM. Điều tra viên: đ/c Nguyễn Duy Thanh (Đội 9) - SĐT: 0973.243399 để cùng phối hợp thực hiện.

Rất mong sự phối hợp của Hội đồng trong thời gian sớm nhất.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
 - Lưu hồ sơ.
- (Thanh, 04 bản)

PHÓ THỦ TRƯỞNG



Thượng tá Phạm Văn Thành

1/20
107

SAO Y BẢN CHÍNH

1/3

<IMP>

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai 103534590610 Số tờ khai đầu tiên /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình A11 2 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 7208
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CSGONKVI Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
Ngày đăng ký 14/09/2020 17:49:27 Ngày thay đổi đăng ký / / Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

Người nhập khẩu
Mã 1101851873
Tên CÔNG TY TNHH THẾP VIỆT VINH
Mã bưu chính (+84) 43
Địa chỉ Lô Q5A-Q6-Q19A-Q20 Đường Số 11, KCN Hải Sơn Mỏ Bàng (GP 3 + 4) Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam
Số điện thoại 08 35106758 - 083510
Người ủy thác nhập khẩu
Mã
Tên



GIÁM ĐỐC

Vũ Thế Đông

Người xuất khẩu
Mã
Tên ESAKA AND COMPANY
Mã bưu chính
Địa chỉ RM 41, DAIDOSEIMEIESAKA BLDG., SUITA, OSAKA
Mã nước JP

14/F, 23-101, ESAKACHO, 1-CHOME
JAPAN NO.564-0063

Người ủy thác xuất khẩu		Đại lý Hải quan		Mã nhân viên Hải quan	
Số vận đơn		Số vận đơn		Địa điểm lưu kho	02CIS01
1 200809140060		1 200809140060		Địa điểm dỡ hàng	VNCLI
2		2		Địa điểm xếp hàng	JPOSA
3		3		Phương tiện vận chuyển	9999
4		4		Ngày hàng đến	31/08/2020
5		5		Ký hiệu và số hiệu	
Số lượng	35 CL	Số lượng	35 CL	Ngày được phép nhập kho đầu tiên	
Tổng trọng lượng hàng (Gross)	270.002 KGM	Tổng trọng lượng hàng (Gross)	270.002 KGM	Mã văn bản pháp quy khác	
Số lượng container	10	Số lượng container	10		

Số hóa đơn A - TT0727-1-OKOU
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử
Ngày phát hành 05/08/2020
Phương thức thanh toán LC
Tổng trị giá hóa đơn A - CFR - USD - 127.694,39
Tổng trị giá tính thuế 2.951.294.068,2
Tổng hệ số phân bổ trị giá 127.694,391 -
Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu			
1 -	2 -	3 -	4 -
4 -	5 -		

Mã phân loại khai trị giá 6
Khai trị giá tổng hợp
Các khoản điều chỉnh
Phí vận chuyển - -
Phí bảo hiểm A - USD - 122,59 -
Mã tên Mã phân loại Trị giá khoản điều chỉnh Tổng hệ số phân bổ
1 - - -
2 - - -
3 - - -
4 - - -
5 - - -
Chi tiết khai trị giá

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng			
1 v Thuế GTGT	295.129.407	VND	1	Tổng tiền thuế phải nộp	295.129.407 VND
2		VND		Số tiền bảo lãnh	VND
3		VND		Tỷ giá tính thuế	USD - 23.090
4		VND			
5		VND			
6		VND		Mã xác định thời hạn nộp thuế	D
				Mã lý do đề nghị BP	Người nộp thuế 1
					Phân loại nộp thuế A
				Tổng số trang của tờ khai	3
				Tổng số dòng hàng của tờ khai	1



155

2/20

108

2/3

<IMP>

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai **103534590610** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **1** Mã loại hình **A11 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **7208**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CSGONKVI** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
 Ngày đăng ký **14/09/2020 17:49:27** Ngày thay đổi đăng ký / / Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /
 Số đính kèm khai báo điện tử **1** BOL - 721403539310 **2** - 3 -
 Phần ghi chú **HỢP ĐỒNG SỐ: TT020727-1, Ngày 27/07/2020.**

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp Số quản lý người sử dụng **00031**

Phân loại chỉ thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Mục thông báo của Hải quan

Ngày khai báo nộp thuế / /

Tổng số tiền thuế chậm nộp

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)

Địa điểm

Ngày đến

Ngày khởi hành

Thông tin trung chuyển

1

/

/

/

/

/

2

/

/

/

/

/

3

/

/

/

/

/

Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế

351873 -

ÔNG T

HH TH

ET VIN

HÒA - T

156

3/20
109

<IMP>

3/3

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai **103534590610** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **1** Mã loại hình **A11 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **7208**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CSGONKVI** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
 Ngày đăng ký **14/09/2020 17:49:27** Ngày thay đổi đăng ký / / Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<01>

Mã số hàng hóa **72083990** Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
 Mô tả hàng hóa **Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ trắng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (1.20 - 2.25)mm x (810 - 1284)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131**

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	269.967	KGM
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)		
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	0,473 - USD	KGM
Trị giá tính thuế (S)	Trị giá tính thuế (M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	10.932,054911 - VND	KGM
Thuế suất A 0%	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	Nước xuất xứ	JP - JAPAN - B01	
Số tiền miễn giảm	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	2.951.294.068,2 VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	10%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	295.129.407 VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		



157

4/20

110

1/2

Bản xác nhận nội dung khai sửa đổi, bổ sung

SAO Y BẢN CHÍNH

Số tờ khai bổ sung 730237298560
 Cơ quan nhận CSGONKVI
 Số tờ khai I - 103534590610 - A11
 Ngày cấp phép 14/09/2020

Ngày đăng ký 15/09/2020 16:10:53
 Nhóm xử lý hồ sơ 01
 Ngày tờ khai xuất nhập khẩu 14/09/2020 -
 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Người khai

Mã 1101851873
 Tên CÔNG TY TNHH THÉP VIỆT VINH
 Mã bưu chính (+84) 43
 Địa chỉ Lô Q5A-Q6-Q19A-Q20 Đường Số 11, KCN Hải Sơn Mở Rộng (GD 3 + 4), Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức
 Số điện thoại 08 35106758 - 083510

Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Mã lý do khai bổ sung 4 Phân loại nộp thuế A
 Mã xác định thời hạn nộp thuế D Ngày hiệu lực của chứng từ 14/09/2020

Thời hạn nộp thuế 1
 (GTGT)

Số quản lý trong nội bộ doanh nghiệp

GIÁM ĐỐC

Trước khi khai báo Tỷ giá tính thuế -

Phần ghi chú

Sau khi khai báo -



Vũ Thế Đông

Mã sắc thuế
 Thuế xuất nhập khẩu
 v Thuế GTGT

Tổng số tiền tăng/giảm thuế
 206590585 VND
 20.659.059 VND

Tổng số trang của tờ khai 2 Tổng số dòng hàng của tờ khai 1



158

SALES CONTRACT

DATE : 27th July, 2020
CONTRACT NO : TT020727-1

SAO Y BẢN CHÍNH

BETWEEN VIET VINH STEEL COMPANY LIMITED

Lot Q5A-Q6-Q19A-Q20 Road no.11, Hai Son (GD 3+4) Industrial Zone Extend, Duc Hoa Ha Commune, Duc Hoa District, Long An Province, Viet Nam.
HEREINAFTER CALLED THE "BUYER"

AND

ESAKA AND COMPANY

RM41, DAIDOSEIMEIESAKA BLDG., 14/F, 23-101, ESAKACHO,
1-CHOME, SUITA, OSAKA JAPAN NO.564-0063
HEREIN AFTER CALLED "THE SELLER"

It has been agreed that the buyer buys and the seller sells the commodity and the terms and conditions under :

ARTICLE 1: COMMODITY DESCRIPTION, QUANTITY & PRICE

- COMMODITY: MIXED STEEL COILS
- SIZE: 0.45MM AND UP X 810MM AND UP X COIL
- PRICE: USD 473 CFR HOCHIMINH PORT/MT, INCOTERMS 2010
- QUANTITY: 269.967 MT (+/-10% AT THE SELLER'S OPTION)
- TOTAL AMOUNT: USD 127,694.39 (+/-10% AT THE SELLER'S OPTION)
- SAYS: US DOLLARS ONE HUNDRED TWENTY SEVEN THOUSAND SIX HUNDRED NINETY FOUR AND THIRTY NINE CENTS ONLY.

ARTICLE 2: ORIGIN: JAPAN

ARTICLE 3: SHIPMENT

- SHIPMENT: WITHIN 30 DAYS AFTER RECEIPT OF LC BY CONTAINERS. THE SELLER MUST FAX TO THE BUYER SHIPPING DETAILS WITHIN 7 WORKING DAYS AFTER THE DATE OF SHIPMENT.
- LATEST DATE OF SHIPMENT: 30TH AUG., 2020
- PACKING: EXPORT STANDARD
- PORT OF LOADING: ANY PORT, JAPAN
- PORT OF DESTINATION: CAT LAI PORT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM
- PARTIAL SHIPMENT: NOT ALLOWED
- TRANSHIPMENT: ALLOWED
- INSURANCE : TO BE COVERED BY THE BUYER



GIÁM ĐỐC

Handwritten signature

Vũ Thế Đông

1. BY 100% IRREVOCABLE L/C AT SIGHT WILL BE OPENED ON OR BEFORE 03TH AUG 2020 104

2. BENEFICIARY: ESAKA AND COMPANY 98

RM41, DAIDOSEIMEIESAKA BLDG., 14/F, 23-101, ESAKACHO,
1-CHOME, SUITA, OSAKA JAPAN NO.564-0063

ADVISING BANK: THE BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ, LTD, ESAKA BRANCH
ADD : 23-28-101, ESAKACHO 1, SUITA, OSAKA, JAPAN
SWIFT CODE : BOTKJPJT
ACCOUNT NO.: 1107482(\$)

ARTICLE 5: DOCUMENTS

- Signed commercial invoice in triplicate.
- Detailed packing list in triplicate.
- Full set (3/3) of clean shipment on board original B/L marked Freight Prepaid, consigned to the Order Bank, Notified to Applicant, showing total net weight, gross weight of the whole shipped lot, shipping agent in Hochiminh City, Vietnam.
- Certificate of Origin issued by THE JAPAN CHAMBER OF COMMERCE AND INDUSTRY must be issued on or before Bill of Lading
- Receipt of AIRMAIL COURIER on sending directly to the Buyer one of set of non negotiable shipping documents within 15 days after shipment.

ARTICLE 6 : INSPECTION.

The Buyer has the right to check the goods, specification and weight of goods under this contract at destination country. If the goods do not conform to this contract and /or the actual weight of goods does not conform to the weight specified in Commercial Invoice and Bill of Lading (except for the quantity franchise 0.3%), the Buyer shall notify the Seller by fax / email within 15 days of completion of discharge. The Original Inspection Report issued by an SGS inspection company with full particulars and an official claim to be presented to the seller within 30 days of completion of discharge at the destination country. The Seller has to compensate the buyer within 30 days after the date of the inspection report sent. The result of the SGS Inspection Company is final legal evidence binding two parties.

ARTICLE 7 : ARBITRATION

Any discrepancy and or dispute arising in our commerce with this contract, if not being settled amicably, shall be referred to the Vietnam International Arbitration Centre for the final settlement. The decision taken by this arbitration will be final.

ARTICLE 8 : GENERAL CONDITION

This contract comes into effect from signing date, any amendment and additional clause to these conditions shall be valid only if made in writing form and confirmed by both sides. Terms and conditions of Incoterms 2010 are applicable.

FOR THE BUYER



FOR THE SELLER

ESAKA AND COMPANY
MANAGER



SAO Y BẢN CHÍNH

RM 41, DAIDOSEIMEIESAKA BLDG., 14/F, 23-101,
ESAKACHO, 1-CHOME, SUITA, OSAKA,
JAPAN NO.564-0063

COMMERCIAL INVOICE

SOLD TO MESSRS :
VIET VINH STEEL COMPANY LIMITEDLOT Q5A-Q6-Q19A-Q20 ROAD NO.11, HAI SON
(GD 3+4) INDUSTRIAL ZONE EXTEND, DUC HOA
HA COMMUNE, DUC HOA DISTRICT, LONG AN
PROVINCE, VIETNAM

SHIPPED PER :

HEUNG-A JAKARTA

ON OR AROUND :

Aug. 19, 2020

FROM : OSAKA PORT IN JAPAN

TO : CAT LAI PORT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM

INVOICE NO.
TT0727-1-OKOUDATE
Aug. 5, 2020

SHIPPING MARKS :

TT0727-1-OKOU
NO.1-35
MADE IN JAPAN

L/C NUMBER : LBB0720ILS305013

L/C ISSUE DATE : Aug 4, 2020

NO.	DESCRIPTION OF GOODS AND/OR SERVICES COMMODITY AND SPECIFICATION	QUANTITY (NET WEIGHT)	UNIT PRICE (USD/MT)	AMOUNT (USD)
	MIXED STEEL COILS	CER CAT LAI PORT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM INCOTERMS 2010	PER M/T IN U.S. DOLLAR	

ORIGIN : JAPAN

SIZE : 0.45MM AND UP X 810MM AND UP X C

OTHER DETAILS AS PER CONTRACT NO. TT020727-1 DATED 27 JUL 2020

PACKING : IN CONTAINERS



Vũ Thế Đông

1-35

35 269.967MTS \$473.00 \$127,694.39

TOTAL : 35 COILS	269.967MTS	US\$127,694.39
	(269,967KGS)	

ESAKA AND COMPANY

MANAGER

147

1. Exporter (Name, address, country)

ESAKA AND COMPANY
RM 41, DAIDOSEIMEIESAKA BLDG. 14/F, 23-101
ESAKACHO, 1-CHOME, SUITA, OSAKA, JAPAN, NO. 564
-0063.

CERTIFICATE OF ORIGIN

Issued by
The Suita Chamber of Commerce & Industry
Suita, Japan

2. Consignee (Name, address, country)

TO ORDER OF ASIA COMMERCIAL BANK, TAN PHU
BRANCH
VIETNAM

*Print ORIGINAL or COPY

ORIGINAL

3. No. and date of invoice

Invoice No.: TT0727-1-OKOU
Invoice Date: Aug. 5, 2020

SAO Y BẢN CHÍNH

4. Country of Origin

JAPAN

5. Transport details

Shipped per: HEUNG-A JAKARTA
On or about: Aug. 19, 2020

From: OSAKA PORT IN JAPAN
To: CAT LAI PORT, HOCHIMINH CITY,
VIETNAM

6. Remarks

L/C Number: LBB0720ILS305013
L/C Date: Aug. 4, 2020

7. Marks, numbers, number and kind of packages, description of goods

8. Quantity

Marking

TT0727-1-OKOU
NO. 1-35
MADE IN JAPAN

TOTAL: 269.967 MTS (NET WEIGHT)

(269.967 KGS)

TOTAL: 35 COILS

MIXED STEEL COILS

GIAM ĐỐC



Vũ Thế Đông

9. Declaration by the Exporter

The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4.

Place and Date: Osaka, Aug. 5, 2020

ESAKA AND COMPANY

(Signature)

(Name)

HASHIMOTO

10. Certification

The undersigned hereby certifies, on the basis of relative invoice and other supporting documents, that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief.

The Suita Chamber of Commerce & Industry

(No. Date, Signature and Stamp of Certifying Authority)

Certificate No.

MITSUMURA PRINTING COMPANY 1-15-9 OSAKI, SHINAGAWA-KU, TOKYO, JAPAN Japan CCI Ref. No. 0001

DATE: Aug.5, 2020

SAO Y BẢN CHÍNH

CERTIFICATE OF QUALITY AND QUANTITY

L/C NUMBER : LBB0720ILS305013 L/C DATE: Aug.4, 2020

INVOICE NO.: TT0727-1-OKOU

Dear Sirs, WE HEREBY CERTIFY THAT THE BELOW MENTIONED GOODS IN
QUALITY AND QUANTITY ARE CORRECT.

COMMODITY : MIXED STEEL COILS

QUALITY: SECONDARY



GIÁM ĐỐC

Vũ Thế Đông

<u>NO.</u>	<u>QUANTITY</u>	<u>NET WEIGHT</u>	<u>GROSS WEIGHT</u>
1-35	35	269.967MTS	270.002MTS
TOTAL : 35 COILS		269.967MTS (269,967KGS)	270.002MTS (270,002KGS)

ESAKA AND COMPANY

MANAGER

7/2
106

154

100 1/16

<IMP>

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

SAO Y BẢN CHÍNH

1/3

Số tờ khai **103534522340** Số tờ khai đầu tiên /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra **1** Mã loại hình **A11 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **7208**
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CSGONKVI** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
Ngày đăng ký **14/09/2020 17:13:27** Ngày thay đổi đăng ký / / Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

Người nhập khẩu

Mã **1101851873**
Tên **CÔNG TY TNHH THÉP VIỆT VINH**

Mã bưu chính **(+84) 43**

Địa chỉ **Lô Q5A-Q6-Q19A-Q20 Đường Số 11, KCN Hải Sơn Mô Bông (GD 3 + 4) Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam**

Số điện thoại **08 35106758 - 083510**

Người ủy thác nhập khẩu

Mã
Tên



GIÁM ĐỐC

Vũ Thế Đông

Người xuất khẩu

Mã
Tên **DURO STEEL AG**

Mã bưu chính

Địa chỉ **ALPENQUAI 28A, CH-6005, LUZERN,**

SWITZERLAND

Mã nước

Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn	Địa điểm lưu kho	02CIS01	TONG CTY TAN CANG SG
1 GCLSE200701148	Địa điểm dỡ hàng	VNCLI	CANG CAT LAI (HCM)
2	Địa điểm xếp hàng	BEANR	ANTWERPEN
3	Phương tiện vận chuyển	9999	TOLEDO TRIUMPH V.0506-016E
4			
5			
Số lượng	Ngày hàng đến	10/09/2020	
Tổng trọng lượng hàng (Gross)	Ký hiệu và số hiệu		
Số lượng container			
	Ngày được phép nhập kho đầu tiên		
	Mã văn bản pháp quy khác		

Số hóa đơn **A - DSAG/173/2020**

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành **30/07/2020**

Phương thức thanh toán **LC**

Tổng trị giá hóa đơn **A - CFR - USD -**

44.678,29

Tổng trị giá tính thuế

1.032.612.046,2

Tổng hệ số phân bổ trị giá

44.678,29 -

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu

1	-	2	-	3	-
4	-	5	-		

Mã phân loại khai trị giá **6**

Khai trị giá tổng hợp

Các khoản điều chỉnh

Phí vận chuyển

Phí bảo hiểm **A - USD -**

42,89 -

Mã tên

Mã phân loại

Trị giá khoản điều chỉnh

Tổng hệ số phân bổ

1	-	-	-		
2	-	-	-		
3	-	-	-		
4	-	-	-		
5	-	-	-		

Chi tiết khai trị giá

	Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng			
1	V Thuế GTGT	103.261.205 VND	1	Tổng tiền thuế phải nộp	103.261.205 VND	
2		VND		Số tiền bảo lãnh	VND	
3		VND		Tỷ giá tính thuế	USD	23.090
4		VND				
5		VND				
6		VND		Mã xác định thời hạn nộp thuế	D	Người nộp thuế
				Mã lý do đề nghị BP		Phân loại nộp thuế
				Tổng số trang của tờ khai	3	Tổng số dòng hàng của tờ khai
						1

156

101

<IMP>

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai **103534522340** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình A11 2 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 7208
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CSGONKVI Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
 Ngày đăng ký 14/09/2020 17:13:27 Ngày thay đổi đăng ký / / Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /
 Số đính kèm khai báo điện tử 1 BOL - 721403522620 2 - 3 -
 Phần ghi chú HỢP ĐỒNG SỐ DSAG/174/2020, Ngày 25/06/2020.

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp Số quản lý người sử dụng 00030
 Phân loại chỉ thị của Hải quan Tên Nội dung

1 / /

2 / /

3 / /

4 / /

5 / /

6 / /

7 / /

8 / /

9 / /

10 / /

Mục thông báo của Hải quan / /
 Ngày khai báo nộp thuế / /
 Tổng số tiền thuế chậm nộp

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)
 Địa điểm

Thông tin trung chuyển

1
2
3
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế

Ngày đến / / Ngày khởi hành / /
 / / ~ / /
 / / ~ / /

179 -

3 TY
THẾ
VINI

-T.LC

158

<IMP>

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai **103534522340** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng /
 Mã phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình A11 2 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 7208
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CSGONKVI Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
 Ngày đăng ký 14/09/2020 17:13:27 Ngày thay đổi đăng ký / / Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<01>

Mã số hàng hóa 72083700 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
 Mô tả hàng hóa Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ trắng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (5.10 - 5.91)mm x (834 - 1696)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	103.903	KGM
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)		
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	0,43 - USD	KGM
Trị giá tính thuế (S)	Trị giá tính thuế (M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	9.938,231295 - VND	KGM
Thuế suất A 0%	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	Nước xuất xứ	CH - SWITZLE-B01	
Số tiền miễn giảm	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	1.032.612.046,2 VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	103.261.205 VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	



4/16

103

1/2

Bản xác nhận nội dung khai sửa đổi, bổ sung

Số tờ khai bổ sung	730237293110	Ngày đăng ký	15/09/2020	15:57:04
Cơ quan nhận	CSGONKVI	Nhóm xử lý hồ sơ	01	
Số tờ khai	I - 103534522340 - A11	Ngày tờ khai xuất nhập khẩu	14/09/2020	-
Ngày cấp phép	15/09/2020	Thời hạn tái nhập/ tái xuất		

Người khai		SAO Y BẢN CHÍNH
Mã	1101851873	
Tên	CÔNG TY TNHH THÉP VIỆT VINH	
Mã bưu chính	(+84) 43	
Địa chỉ	Lô Q5A-Q6-Q19A-Q20 Đường Số 11, KCN Hải Sơn Mở Rộng (GD 3 + 4), Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa,	
Số điện thoại	08 35106758 - 083510	

Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Mã lý do khai bổ sung	4	Phân loại nộp thuế	A	
Mã xác định thời hạn nộp thuế	D	Ngày hiệu lực của chứng từ	14/09/2020	Thời hạn nộp thuế (GTGT)
Số quản lý trong nội bộ doanh nghiệp				1

Trước khi khai báo

Tỷ giá tính thuế

Phần ghi chú



Sau khi khai báo

Mã sắc thuế
Thuế xuất nhập khẩu
V Thuế GTGT

Tổng số tiền tăng/giảm thuế
103261205 VND
10.326.121 VND

Tổng số trang của tờ khai 2 Tổng số dòng hàng của tờ khai 1

**GIÁM ĐỐC**

Vũ Thế Đông

159

Bản xác nhận nội dung khai sửa đổi, bổ sung

Số tờ khai bổ sung 730237293110
 Cơ quan nhận CSGONKVI
 Số tờ khai 103534522340
 Ngày cấp phép 15/09/2020

Ngày đăng ký 15/09/2020 15:57:04
 Nhóm xử lý hồ sơ 01
 Ngày tờ khai xuất nhập khẩu 14/09/2020 -
 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

< 01 >

Số thứ tự dòng/hàng trên tờ khai gốc 1

Mô tả hàng hóa

Trước khi khai báo Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ trắng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (5.10 - 5.91)mm x (834 - 1696)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131 Mã nước xuất xứ CH

Sau khi khai báo Thép mạ hoặc trắng kẽm bằng phương pháp khác có hàm lượng carbon dưới 0,6 CH

Trước khi khai báo	Sau khi khai báo	Tăng/giảm thuế
Thuế xuất nhập khẩu		
Trị giá tính thuế 1.032.612.046,2	1.032.612.046,2	
Số lượng tính thuế 103.903 KGM	103.903 KGM	
Mã hàng hóa 72083700	72104119	
Thuế suất 0%	10%	
Số tiền thuế 0	103261205	103.261.205
V Thuế GTGT		
T Trị giá tính thuế 1.032.612.046,2	1.135.873.251,2	
Số lượng tính thuế 103.903 KGM	103.903 KGM	
Mã xác định thuế suất VB901	VB901	
Thuế suất 10%	10%	
Số tiền thuế 103261204.62	113587325.12	10.326.121
Trị giá tính thuế		
Số lượng tính thuế		
Mã xác định thuế suất		
Thuế suất		
Số tiền thuế		
Trị giá tính thuế		
Số lượng tính thuế		
Mã xác định thuế suất		
Thuế suất		
Số tiền thuế		
Trị giá tính thuế		
Số lượng tính thuế		
Mã xác định thuế suất		
Thuế suất		
Số tiền thuế		

Số: 1456/ TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2020

ĐỘI KIỂM SOÁT HẢI QUAN

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

ĐẾN

Số:
Ngày: 13/11/2020

Chuyển

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

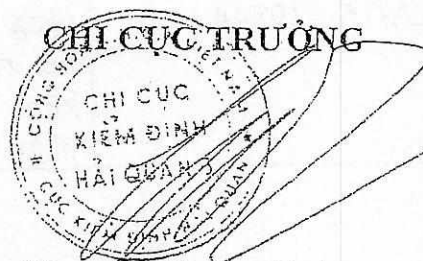
Căn cứ Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Theo phụ lục đính kèm.
2. Tờ khai hải quan: Số 103534590610/A11; 103534522340/A11 ngày 14/09/2020.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Thép Việt Vinh.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Đội Kiểm soát hải quan - Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 617/ĐKSHQ-TKS1 ngày 13/10/2020.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: 1277/KĐ3-NV ngày 16/10/2020.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Phạm Thành Hưng, Lê Việt Quân.
8. **Kết quả phân tích:**
Thực hiện theo phụ lục đính kèm.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK:
Thực hiện theo phụ lục đính kèm.

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3. HSPTPL.



Nguyễn Xuân Cường

13/11/20

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Phụ lục
(Kèm theo Thông báo về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa
Số 1456../TB-KĐ3, ngày 09 tháng 11 năm 2020)

TT	Tên mẫu theo khai báo	Kết quả phân tích	Mã số phân loại theo Biểu Thuế XNK	Phân loại theo Thông báo KQPL của TCHQ
1	Mẫu 1: Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ tráng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (5.10 - 5.91)mm x (834 - 1696)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131 (Tờ khai : 103534522340/A11)- Mẫu 1: niêm phong hải quan: AA/16-439839; AA/16-439840.	Thép không hợp kim (hàm lượng carbon dưới 0,6% tính theo trọng lượng), được cán phẳng, dạng cuộn, dạng dài và dài, chiều dày ≈1mm, chiều rộng ≈102mm, bề mặt được mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng.	7212.30.12	Số 3627/TB-TCHQ ngày 04/06/2019
2	Mẫu 2: Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ tráng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (5.10 - 5.91)mm x (834 - 1696)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131 (Tờ khai : 103534522340/A11)- Mẫu 2: niêm phong hải quan: AA/16-439843; AA/16-439844.	Thép hợp kim (hàm lượng Ti≈0,07% tính theo trọng lượng, là nguyên tố duy nhất quyết định yếu tố thép hợp kim), được cán phẳng, dạng cuộn, thành phần hóa học không phù hợp làm thép gió, chiều dày ≈0,68mm, chiều rộng trên 600mm, bề mặt được mạ kẽm bằng phương pháp điện phân.	7225.91.90 9811.00.10.	Số 6061/TB-TCHQ ngày 28/05/2014

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

3	Mẫu 3: Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ tráng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (5.10 - 5.91)mm x (834 - 1696)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131 (Tờ khai : 103534522340/A11)-Mẫu 3: niêm phong hải quan: AA/16-439847; AA/16-439848.	Thép không hợp kim (hàm lượng C dưới 0,6% tính theo trọng lượng), được cán phẳng, dạng cuộn, không ở dạng lượn sóng, chiều dày $\approx 2,6$ mm, chiều rộng trên 600mm, bề mặt được mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng.	7210.49.19	Số 12657/TB-TCHQ ngày 17/10/2014
4	Mẫu 4: Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ tráng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (5.10 - 5.91)mm x (834 - 1696)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131 (Tờ khai : 103534522340/A11)-Mẫu 4: niêm phong hải quan: AA/16-439851; AA/16-439852.	Thép hợp kim (hàm lượng $Ti \approx 0,06\%$ tính theo trọng lượng, là nguyên tố duy nhất quyết định yếu tố thép hợp kim), được cán phẳng, dạng cuộn, thành phần hóa học không phù hợp làm thép gió, chiều dày $\approx 5,9$ mm, chiều rộng trên 600mm, bề mặt được mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng.	7225.92.90 9811.00.10	Số 11137/TB-TCHQ ngày 25/11/2016
5	Mẫu 5: Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ tráng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (1.20 - 2.25)mm x (810 - 1284)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131 (Tờ khai: 103534590610/A11) -Mẫu 5: niêm phong hải quan: AA/16-439855; AA/16-439856.	Thép không hợp kim (hàm lượng C dưới 0,6% tính theo trọng lượng), được cán phẳng, cán nguội, dạng cuộn, chiều dày $\approx 0,47$ mm, chiều rộng trên 600mm, chưa phủ, mạ, tráng.	7209.18.99	Số 13938/TB-TCHQ ngày 19/11/2014

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

6	Mẫu 6: Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ tráng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (1.20 - 2.25)mm x (810 - 1284)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131 (Tờ khai: 103534590610/A11)-Mẫu 6: niêm phong hải quan: AA/16-439859; AA/16-439860.	Thép không hợp kim (hàm lượng C dưới 0,6% tính theo trọng lượng), được cán phẳng, cán nguội, dạng cuộn, chiều dày $\approx 0,77$ mm, chiều rộng trên 1250mm, chưa phủ, mạ, tráng.	7209.17.90	Số 461/TB- TCHQ ngày 21/01/2019
7	Mẫu 7: Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ tráng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (1.20 - 2.25)mm x (810 - 1284)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131 (Tờ khai: 103534590610/A11)-Mẫu 7: niêm phong hải quan: AA/16-439863; AA/16-439864.	Thép không hợp kim, được cán phẳng, cán nguội, dạng cuộn, chiều dày $\approx 1,15$ mm, chiều rộng theo khai báo không quá 1.250mm, chưa phủ, mạ, tráng.	7209.16.10	Số 6786/TB- TCHQ ngày 20/11/2018
8	Mẫu 8: Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ tráng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (1.20 - 2.25)mm x (810 - 1284)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131 (Tờ khai: 103534590610/A11)-Mẫu 8: niêm phong hải quan: AA/16-439867; AA/16-439868.	Thép không hợp kim, được cán phẳng, cán nguội, dạng cuộn, chiều dày $\approx 1,25$ mm, chiều rộng không quá 1.250mm, chưa phủ, mạ, tráng.	7209.16.10	Số 6786/TB- TCHQ ngày 20/11/2018

* Lưu ý: Đề nghị Đội Kiểm soát Hải quan -- Cục HQ TP Hồ Chí Minh căn cứ c kết quả phân tích nêu trên và kết quả kiểm tra về kích thước hàng hóa thực tế để dụng chính xác mã số phân loại theo Biểu Thuế XNK./.

CHỈ CỤC TRƯỞNG
CỤC KIỂM DỊNH
HẢI QUAN
NGUYỄN XUÂN CƯỜNG

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘI KIỂM SOÁT HẢI QUAN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN 21/BB-VPHC

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH**VỀ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN**

Hôm nay, hồi 14 giờ 30 phút, ngày 23/11/2020, tại⁽³⁾ Văn phòng Đội Kiểm Soát Hải quan - Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh.

Căn cứ Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính số 575/BB-KPTVTĐV ngày 13/10/2020.

Căn cứ Biên bản lấy mẫu ngày 21/10/2020 và Thông báo số 1456/TB-KĐ3 ngày 09/11/2020 của Chi cục Kiểm định hải quan 3 về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa;

Căn cứ Thông báo về việc xác định trị giá số 12315/TB-KV1 ngày 18/11/2020 và Công văn số 5446/KV1-ĐHHN ngày 18/11/2020 về việc xác định trị giá hàng vi phạm của công ty Thép Việt Vinh của Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn KV1.

Chúng tôi gồm:

1. Phan Tiến Dũng Chức vụ: Công chức - Đội Kiểm Soát Hải quan - Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh.

2. Với sự chứng kiến của⁽⁵⁾:

Họ và tên: Ông Trần Văn Thanh. Số CMND: 212686031 cấp ngày 12/02/2018 tại Công an Tỉnh Quảng Ngãi. Nghề nghiệp: Nhân viên Xuất Nhập khẩu Công ty TNHH Thép Việt Vinh (theo Giấy Ủy quyền không số ngày 09/10/2020) – MST: 1101851873.

Nơi ở hiện nay: 264/12A Lê Văn Quới, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, HCM.

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với <ông (bà)/tổ chức> có tên sau đây:

<1. Tên tổ chức vi phạm>: Công ty TNHH Thép Việt Vinh.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô Q5A-Q6-Q19A-Q20A Đường số 11, KCN Hải Sơn mở rộng (GD 3 + 4) Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Mã số doanh nghiệp: 1101851873.

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/dăng ký hoạt động: 1101851873.

Ngày cấp: Lần đầu ngày 29/05/2017; nơi cấp: Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật⁽⁶⁾: Ông Vũ Thế Đông

Giới tính: Nam

Chức danh⁽⁷⁾: Giám đốc.

2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính⁽⁸⁾:

Công ty TNHH Thép Việt Vinh làm thủ tục mở tờ khai hải quan số: 103534590610/A11 ngày 14/9/2020.

Doanh nghiệp khai báo hàng nhập khẩu: Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ tráng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (1.20 - 2.25)mm x (810 - 1284)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131. Xuất xứ: JP.

Tờ khai hệ thống phân luồng xanh.

Thi hành Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính số 575/QĐ-KPTVTĐV ngày 28 tháng 9 năm 2020 của ông Phan Mạnh Lân - Đội trưởng Đội Kiểm soát Hải quan – Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh ký. Chúng tôi tiến hành khám đồ vật trong 14 container thuộc 02 tờ khai nói trên. Kết quả kiểm tra đã được ghi nhận tại Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính số 575/BB-KPTVTĐV ngày 13/10/2020. Sau khi kiểm tra hàng hóa, để có cơ sở xác định đúng tính chất mặt hàng, chúng tôi thống nhất trung cầu giám định toàn bộ lô hàng thực tế kiểm tra.

Vào lúc 10 giờ 00 ngày 21 tháng 10 năm 2020 chúng tôi đã cùng Đại diện Chi cục Kiểm định Hải quan 3 tiến hành lấy mẫu để phân tích đối với lô hàng trên. Theo Thông báo số 1456/TB-KĐ3 của Chi cục Kiểm định Hải quan 3 về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa. Kết quả hàng hóa thực tế khám xét lô hàng thuộc tờ khai **103534590610/A11** như sau:

STT	Tên hàng khai báo/Trọng lượng	Mã HS	Kết quả phân tích KĐ3(Tên hàng/Trọng lượng)	Mã HS	Ghi chú
1	+ Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ tráng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (1.20 - 2.25)mm x (810 - 1284)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131. Xuất xứ: JP. Trọng lượng: 269.967 Kg	7208.39.90	Mẫu 5: Thép không hợp kim (hàm lượng C dưới 0,6% tính theo trọng lượng), được cán phẳng, cán nguội, dạng cuộn, chiều dày ≈0,47mm, chiều rộng trên 600mm, chưa phủ, mạ, tráng. (Đại diện cho 01 cuộn thép có màu xám trắng, có bề dày dưới 0.5mm, bề rộng trên 600mm) Trọng lượng: 3.180 kg	7209.18.99	Khai sai chủng loại, Mã HS.
			Mẫu 6: Thép không hợp kim (hàm lượng C dưới 0,6% tính theo trọng lượng), được cán phẳng, cán nguội, dạng cuộn, chiều dày ≈0,77mm, chiều	7209.17.90	Khai sai chủng loại, Mã

			rộng trên 1250mm, chưa phủ, mạ, trắng. (Đại diện cho 12 cuộn thép có màu xám trắng, có bề dày từ 0.5-1mm, bề rộng trên 600mm) Trọng lượng: 77.860 kg		HS.
			Mẫu 7: Thép không hợp kim, được cán phẳng, cán nguội, dạng cuộn, chiều dày ≈1,15mm, chiều rộng theo khai báo không quá 1.250mm, chưa phủ, mạ, trắng. (Đại diện cho 18 cuộn thép có màu xám trắng, có bề dày từ 1-3mm, bề rộng trên 600mm) Trọng lượng: 148.257 kg	7209.16.10	Khai sai chủng loại, Mã HS.
			Mẫu 8: Thép không hợp kim, được cán phẳng, cán nguội, dạng cuộn, chiều dày ≈1,25mm, chiều rộng không quá 1.250mm, chưa phủ, mạ, trắng. (Đại diện cho 04 cuộn thép có màu xám đen, có bề dày từ 1-3mm, bề rộng trên 600mm) Trọng lượng: 39.220 kg	7209.16.10	Khai sai chủng loại, Mã HS.

Chúng tôi lập biên bản vi phạm Công ty TNHH Thép Việt Vinh hành vi: Khai báo sai chủng loại hàng hóa nhập khẩu mà cơ quan Hải quan phát hiện trong quá trình làm thủ tục Hải quan.

Theo nội dung Thông báo về việc xác định trị giá số 12315/TB-KV1 ngày 18/11/2020 và Công văn số 5446/KV1-ĐHHN ngày 18/11/2020 về việc xác định trị giá hàng vi phạm của công ty Thép Việt Vinh của Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn KV1:

- Trị giá hàng vi phạm: **3.175.535.835 VNĐ** (Ba tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi lăm ngàn, tám trăm ba mươi lăm đồng).

- Số thuế chênh lệch tăng (doanh nghiệp nộp thiếu): **266.940.436 VNĐ** (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm ba mươi sáu đồng).

3. Quy định tại⁽⁹⁾ Điểm 2a Khoản 5 Điều 1 của Nghị định 45/2016/NĐ-CP ngày 26/05/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

4. Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại⁽¹⁰⁾:.....

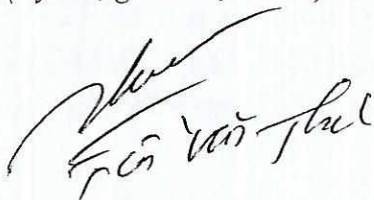


5. Ý kiến trình bày của cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm:.....
6. Ý kiến trình bày của người chứng kiến (nếu có):.....
7. Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có):.....
8. Chúng tôi đã yêu cầu cá nhân/tổ chức vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.
9. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng, gồm ⁽¹¹⁾:.....
10. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ: Không.
11. Giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ: Không.
12. Trong thời hạn ⁽¹²⁾ 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, ông (bà) ⁽¹³⁾ Trần Văn Thanh là cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm có quyền gửi <văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp/văn bản giải trình> đến ông (bà) ⁽¹⁴⁾ Phan Mạnh Lân để thực hiện quyền giải trình.

Biên bản lập xong hồi 15 giờ 30 phút, ngày 23/11/2020 gồm 02 tờ, được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông (bà) ⁽¹³⁾ Trần Văn Thanh là cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ. <**Trường hợp cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản**>

Lý do ông (bà) ⁽¹³⁾ Trần Văn Thanh cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản ⁽¹⁵⁾:.....

**CÁ NHÂN VI PHẠM HOẶC ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC VI PHẠM**
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)



ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)



Phan Tiến Dũng
NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH****VỀ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN**

Hôm nay, hồi 09 giờ 00 phút, ngày 20/11/2020, tại⁽³⁾ Văn phòng Đội Kiểm Soát Hải quan - Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh.

Căn cứ Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính số 575/BB-KPTVTĐV ngày 13/10/2020;

Căn cứ Biên bản lấy mẫu ngày 21/10/2020 và Thông báo số 1456/TB-KĐ3 ngày 09/11/2020 của Chi cục Kiểm định hải quan 3 về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa;

Căn cứ Thông báo về việc xác định trị giá số 12315/TB-KV1 ngày 18/11/2020 và Công văn số 5446/KV1-ĐHHN ngày 18/11/2020 về việc xác định trị giá hàng vi phạm của công ty Thép Việt Vinh của Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn KV1.

Chúng tôi gồm:

1. Phan Tiến Dũng Chức vụ: Công chức - Đội Kiểm Soát Hải quan - Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh.

2. Với sự chứng kiến của⁽⁵⁾:

Họ và tên: Ông Trần Văn Thanh. Số CMND: 212686031 cấp ngày 12/02/2018 tại Công an Tỉnh Quảng Ngãi. Nghề nghiệp: Nhân viên Xuất Nhập khẩu Công ty TNHH Thép Việt Vinh (theo Giấy Ủy quyền không số ngày 09/10/2020) – MST: 1101851873.

Nơi ở hiện nay: 264/12A Lê Văn Quới, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, HCM.

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với <ông (bà)/tổ chức> có tên sau đây:

<1. Tên tổ chức vi phạm>: Công ty TNHH Thép Việt Vinh.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô Q5A-Q6-Q19A-Q20A Đường số 11, KCN Hải Sơn mở rộng (GD 3 + 4) Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Mã số doanh nghiệp: 1101851873.

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/dăng ký hoạt động:

1101851873.

Ngày cấp: Lần đầu ngày 29/05/2017; nơi cấp: Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật⁽⁶⁾: Ông Vũ Thế Đông

Giới tính: Nam

Chức danh⁽⁷⁾: Giám đốc.

2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính⁽⁸⁾:

Công ty TNHH Thép Việt Vinh làm thủ tục mở tờ khai hải quan số: 103534522340/A11 ngày 14/9/2020.

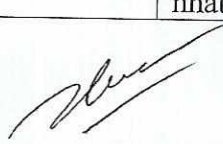
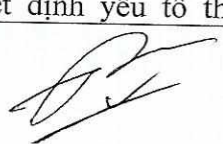
Doanh nghiệp khai báo hàng nhập khẩu: Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ tráng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (5.10 - 5.91)mm x (834 - 1696)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131. Xuất xứ: CH.

Tờ khai hệ thống phân luồng xanh.

Thi hành Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính số 575/QĐ-KPTVTĐV ngày 28 tháng 9 năm 2020 của ông Phan Mạnh Lân - Đội trưởng Đội Kiểm soát Hải quan – Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh ký. Chúng tôi tiến hành khám đồ vật trong 14 container thuộc 02 tờ khai nói trên. Kết quả kiểm tra đã được ghi nhận tại Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính số 575/BB-KPTVTĐV ngày 13/10/2020. Sau khi kiểm tra hàng hóa, để có cơ sở xác định đúng tính chất mặt hàng, chúng tôi thống nhất trung cầu giám định toàn bộ lô hàng thực tế kiểm tra.

Vào lúc 10 giờ 00 ngày 21 tháng 10 năm 2020 chúng tôi đã cùng Đại diện Chi cục Kiểm định Hải quan 3 tiến hành lấy mẫu để phân tích đối với lô hàng trên. Theo Thông báo số 1456/TB-KĐ3 của Chi cục Kiểm định Hải quan 3 về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa. Kết quả hàng hóa thực tế khám xét lô hàng thuộc tờ khai **103534522340/A11** như sau:

STT	Tên hàng khai báo/Trọng lượng	Mã HS	Kết quả phân tích KĐ3(Tên hàng/Trọng lượng)	Mã HS	Ghi chú
1	Thép lá cán nóng không hợp kim (HR) chưa phủ mạ tráng, không lượn sóng, dạng cuộn, Quy cách không đồng bộ, mới 100% (5.10 - 5.91)mm x (834 - 1696)mm x Cuộn, Theo tiêu chuẩn JIS G3131. Xuất xứ: CH. Trọng lượng: 103.903 Kg	7208.37.00	Mẫu 1: Thép không hợp kim (hàm lượng carbon dưới 0,6% tính theo trọng lượng), được cán phẳng, dạng cuộn, dạng đai và dải, chiều dày ≈1mm, chiều rộng ≈102mm, bề mặt được mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng. (Đại diện cho 04 cuộn thép có màu xám đen, có bề dày từ 1-3mm, bề rộng trên 600mm) Trọng lượng: 850 kg	7212.30.12	Khai sai chủng loại, Mã HS.
			Mẫu 2: Thép hợp kim (hàm lượng Ti≈0,07% tính theo trọng lượng, là nguyên tố duy nhất quyết định yếu tố thép	7225.91.90 9811.00.10	Khai sai chủng

		hợp kim), được cán phẳng, dạng cuộn, thành phần hóa học không phù hợp làm thép gió, chiều dày $\approx 0,68\text{mm}$, chiều rộng trên 600mm, bề mặt được mạ kẽm bằng phương pháp điện phân. Trọng lượng: 5.240 kg		loại, Mã HS.
		Mẫu 3: Thép không hợp kim (hàm lượng C dưới 0,6% tính theo trọng lượng), được cán phẳng, dạng cuộn, không ở dạng lượn sóng, chiều dày $\approx 2,6\text{mm}$, chiều rộng trên 600mm, bề mặt được mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng. (Đại diện cho những cuộn thép có màu xám trắng, có bề dày từ 1-3mm, bề rộng trên 600mm) Trọng lượng: 26.445 kg	7210.49.19	Khai sai chủng loại, Mã HS.
		Mẫu 4: Thép hợp kim (hàm lượng $\text{Ti} \approx 0,06\%$ tính theo trọng lượng, là nguyên tố duy nhất quyết định yếu tố thép hợp kim), được cán phẳng, dạng cuộn, thành phần hóa học không phù hợp làm thép gió, chiều dày $\approx 5,9\text{mm}$, chiều rộng trên 600mm, bề mặt được mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng. (Đại diện cho 08 cuộn thép có màu xám trắng, có bề dày trên 3mm, bề rộng trên 600mm) Trọng lượng: 71.343 kg	7225.92.90 9811.00.10	Khai sai chủng loại, Mã HS.

Chúng tôi lập biên bản vi phạm Công ty TNHH Thép Việt Vinh hành vi: Khai báo sai chủng loại hàng hóa nhập khẩu mà cơ quan Hải quan phát hiện trong quá trình làm thủ tục Hải quan.

Theo nội dung Thông báo về việc xác định trị giá số 12315/TB-KV1 ngày 18/11/2020 và Công văn số 5446/KV1-ĐHHN ngày 18/11/2020 về việc xác định trị giá hàng vi phạm của công ty Thép Việt Vinh của Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn KV1:

- Trị giá hàng vi phạm: **1.494.111.737 VNĐ** (Một tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu, một trăm mười một ngàn, bảy trăm ba mươi bảy đồng).

- Số thuế chênh lệch tăng (doanh nghiệp nộp thiếu): **803.830.589 VND**
(Tám trăm lẻ ba triệu, tám trăm ba mươi ngàn, năm trăm tám mươi chín đồng).

3. Quy định tại⁽⁹⁾ Điểm 2a Khoản 5 Điều 1 của Nghị định 45/2016/NĐ-CP ngày 26/05/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

4. Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại⁽¹⁰⁾:.....

5. Ý kiến trình bày của cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm:.....

6. Ý kiến trình bày của người chứng kiến (nếu có):.....

7. Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có):.....

8. Chúng tôi đã yêu cầu cá nhân/tổ chức vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

9. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng, gồm⁽¹¹⁾:.....

10. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ: Không.

11. Giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ: Không.

12. Trong thời hạn⁽¹²⁾ 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, ông (bà)

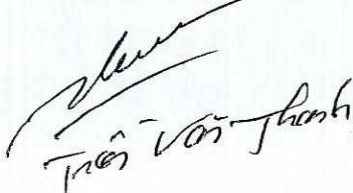
⁽¹³⁾ Trần Văn Thanh là cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm có quyền gửi <văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp/văn bản giải trình> đến ông (bà)

⁽¹⁴⁾Phan Mạnh Lân để thực hiện quyền giải trình.

Biên bản lập xong hồi 10 giờ 30 phút, ngày 23/11/2020 gồm 02 tờ, 04 trang được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông (bà)⁽¹³⁾ Trần Văn Thanh là cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ. <**Trường hợp cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản**>

Lý do ông (bà)⁽¹³⁾ Trần Văn Thanh cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản⁽¹⁵⁾:.....

**CÁ NHÂN VI PHẠM HOẶC ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC VI PHẠM**
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)



ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)



Phan Tiến Dũng
NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)